

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/DS-ST

Ngày 04 - 9 - 2023

*“V/v tranh chấp hợp
đồng mua bán tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Nhu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Hưng và ông Phạm Thiên Viết.

Thư ký phiên tòa: Bà H' Ra Chen là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2023 tại phòng xét xử, Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 12/2023/TLST- DS ngày 11 tháng 01 năm 2023, về việc *“Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 20/2023/QĐXXST- DS ngày 04 tháng 8 năm 2023:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn 8, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Long C, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Trung S, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Võ Thị Hà V, sinh năm 1996,

Địa chỉ: Thôn 8, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Long C, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Gia đình anh D có Đại lý kinh doanh phân bón, từ khoảng năm 2021 trở về trước anh Hoàng Trung S có mua phân bón của đại lý Văn D do anh D làm chủ và nợ lại số tiền là 72.640.000đ. Hai bên có viết giấy chốt số tiền còn nợ là 72.640.000đ và thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng. Anh S hẹn đến mùa tiêu năm 2022 sẽ trả. Ngày 17/5/2022 anh S mới chuyển khoản trả cho anh D được số tiền là 10.000.000đ, còn nợ lại 62.640.000đ đến nay chưa trả dù anh D đến nhà đòi nhiều lần.

Nay tôi đề nghị Tòa án buộc anh Hoàng Trung S phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng anh D, chị V (là vợ anh D) số tiền nợ gốc là 62.640.000 đồng và tiền lãi là 1,5% theo như thỏa thuận trong giấy nhận nợ ngày 30/12/2021, thời gian tính lãi suất từ ngày 31/12/2021 đến thời điểm xét xử đối với số tiền còn nợ 62.640.000đ, tương đương 20 tháng 02 ngày (làm tròn 20 tháng) với số tiền là 18.792.000 đồng nhưng tôi chỉ yêu cầu số tiền lãi là 18.000.000 đồng. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm và không có yêu cầu đối với vợ của anh S là chị Lê Thị Thanh L vì chị L không ký trong giấy nhận nợ.

Bị đơn anh Hoàng Trung S vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày nhưng tại đơn xin xét xử vắng anh Sơn cho rằng khoản nợ anh D là nợ riêng của cá nhân anh không liên quan đến ai và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị V và người đại diện theo ủy quyền của chị V trình bày: Gia đình chị V có đại lý kinh doanh buôn bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật nhưng chồng là anh Nguyễn Văn D đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Số tiền anh Hoàng Trung S nợ tiền mua phân bón là tài sản chung của gia đình. Do vậy, yêu cầu anh Hoàng Trung S phải trả cho vợ chồng chị số tiền nợ gốc và tiền lãi theo như anh D yêu cầu. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Thẩm phán và thư ký chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thiết lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đúng trình tự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đúng nguyên tắc, người tham gia tố tụng chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 147, khoản 4 Điều 177, Điều 217, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 351, Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 453 của Bộ luật Dân sự; Điều 25, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D. Buộc anh Hoàng Trung S phải trả cho anh Nguyễn Văn D, chị Võ Thị Hà V tổng số tiền 80.640.000đ (Tám mươi triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng). Trong đó có 62.640.000đ (Sáu mươi hai triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng) tiền gốc và 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng) tiền lãi.

Về án phí: Buộc anh Hoàng Trung S phải chịu 4.032.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện và lời khai của anh Nguyễn Văn D, về việc yêu cầu anh Hoàng Trung S trả số tiền gốc 62.640.000 đồng và tiền lãi suất do nợ tiền phân bón theo giấy xác nhận nợ ngày 30/12/2021, thì đây là quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 430 của Bộ luật Dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Anh Hoàng Trung S là bị đơn trong vụ án có địa chỉ tại: Thôn 6, xã Đ, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được triệu tập, tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

Đối với chị Lê Thị Thanh L là vợ của bị đơn anh Hoàng Trung S trong quá trình giải quyết vụ án cho rằng số tiền anh S ký nhận nợ với anh D là nợ riêng không liên quan đến chị nên chị từ chối tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Mặt khác, nguyên đơn không có yêu cầu gì đối với chị Lê Thị Thanh L và tại đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn cũng thừa nhận số tiền nợ nguyên đơn là nợ riêng không liên quan đến ai nên Tòa án không đưa chị L tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] *Về nội dung yêu cầu khởi kiện:* Anh D khởi kiện yêu cầu anh Hoàng Trung S trả số tiền gốc 62.460.000 đồng và tiền lãi suất. Quá trình giải quyết vụ án, tuy đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bị đơn anh S vẫn vắng mặt không có trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn khẳng định giấy xác nhận nợ đề ngày 30/12/2021 là chữ ký, chữ viết của anh Hoàng Trung S. Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng Dân sự quy định: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Quá trình giải quyết vụ án bị

đơn không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh đã trả nợ số tiền trên nhưng tại đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn trình bày số tiền còn nợ nguyên đơn là nợ cá nhân không liên quan đến ai nên việc bị đơn còn nợ tiền của nguyên đơn là có. Theo giấy xác nhận nợ ngày 30/12/2021 thì bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 72.640.000đ, ngày 17/5/2022 bị đơn đã chuyển khoản trả nợ được số tiền 10.000.000đ, hiện còn nợ 62.640.000đ là có căn cứ.

Về yêu cầu lãi suất: Tại giấy chốt số tiền nợ phân bón ngày 30/12/2021 các bên thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi suất là 1,5%/tháng, tính từ ngày xác nhận nợ đối với số tiền gốc còn nợ là 62.460.000đ đến thời điểm xét xử là 20 tháng 03 ngày (làm tròn 20 tháng) tương đương số tiền là 18.792.000đ nhưng chỉ yêu cầu số tiền lãi là 18.000.000đ. Như vậy, số tiền lãi suất đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu là 18.000.000đ là phù hợp, không vượt quá lãi suất do Bộ luật Dân sự quy định nên cần buộc bị đơn phải trả số tiền lãi trên cho nguyên đơn là có căn cứ.

Từ những phân tích và đánh giá toàn bộ chứng cứ mà các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D. Buộc anh Hoàng Trung S phải trả cho anh Nguyễn Văn D, chị Võ Thị Hà V (chị Vy là vợ của anh D, quá trình giải quyết vụ án anh D, chị V đều thừa nhận số tiền anh S còn nợ là tài sản chung của vợ chồng) tổng số tiền 80.640.000đ (*Tám mươi triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*). Trong đó có 62.640.000đ (*Sáu mươi hai triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng*) tiền gốc và 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*) tiền lãi là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật; nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[6] Xét quan điểm và nội dung đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 147, khoản 4 Điều 177, Điều 217, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 351, Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 453 của Bộ luật Dân sự; Điều 25, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D đối với anh Hoàng Trung S.

Buộc anh Hoàng Trung S phải trả cho anh Nguyễn Văn D, chị Võ Thị Hà V tổng số tiền 80.640.000đ (*Tám mươi triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*). Trong đó có 62.640.000đ (*Sáu mươi hai triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng*) tiền gốc và 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*) tiền lãi.

Áp dụng Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Buộc anh Hoàng Trung S phải chịu 4.032.000đ (*Bốn triệu không trăm ba mươi hai nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn D được nhận lại 1.954.000 đồng (*Một triệu chín trăm năm mươi tư nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002470 ngày 11/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Nông Văn Nhu